

## ROZVRH HODIN

JMÉNO:  
TŘÍDA:

PONDĚLÍ

ÚTERÝ

STŘEDA

ČTVRTEK

PÁTEK

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

www.mfppaper.com

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20

Malá  
náobilka
 $1 \times 0 = 0$   
 $1 \times 1 = 1$   
 $1 \times 2 = 2$   
 $1 \times 3 = 3$   
 $1 \times 4 = 4$   
 $1 \times 5 = 5$   
 $1 \times 6 = 6$   
 $1 \times 7 = 7$   
 $1 \times 8 = 8$   
 $1 \times 9 = 9$   
 $1 \times 10 = 10$ 
 $2 \times 0 = 0$   
 $2 \times 1 = 2$   
 $2 \times 2 = 4$   
 $2 \times 3 = 6$   
 $2 \times 4 = 8$   
 $2 \times 5 = 10$   
 $2 \times 6 = 12$   
 $2 \times 7 = 14$   
 $2 \times 8 = 16$   
 $2 \times 9 = 18$   
 $2 \times 10 = 20$ 
 $3 \times 0 = 0$   
 $3 \times 1 = 3$   
 $3 \times 2 = 6$   
 $3 \times 3 = 9$   
 $3 \times 4 = 12$   
 $3 \times 5 = 15$   
 $3 \times 6 = 18$   
 $3 \times 7 = 21$   
 $3 \times 8 = 24$   
 $3 \times 9 = 27$   
 $3 \times 10 = 30$ 
 $4 \times 0 = 0$   
 $4 \times 1 = 4$   
 $4 \times 2 = 8$   
 $4 \times 3 = 12$   
 $4 \times 4 = 16$   
 $4 \times 5 = 20$   
 $4 \times 6 = 24$   
 $4 \times 7 = 28$   
 $4 \times 8 = 32$   
 $4 \times 9 = 36$   
 $4 \times 10 = 40$ 
 $5 \times 0 = 0$   
 $5 \times 1 = 5$   
 $5 \times 2 = 10$   
 $5 \times 3 = 15$   
 $5 \times 4 = 20$   
 $5 \times 5 = 25$   
 $5 \times 6 = 30$   
 $5 \times 7 = 35$   
 $5 \times 8 = 40$   
 $5 \times 9 = 45$   
 $5 \times 10 = 50$ 
 $6 \times 0 = 0$   
 $6 \times 1 = 6$   
 $6 \times 2 = 12$   
 $6 \times 3 = 18$   
 $6 \times 4 = 24$   
 $6 \times 5 = 30$   
 $6 \times 6 = 36$   
 $6 \times 7 = 42$   
 $6 \times 8 = 48$   
 $6 \times 9 = 54$   
 $6 \times 10 = 60$ 
 $7 \times 0 = 0$   
 $7 \times 1 = 7$   
 $7 \times 2 = 14$   
 $7 \times 3 = 21$   
 $7 \times 4 = 28$   
 $7 \times 5 = 35$   
 $7 \times 6 = 42$   
 $7 \times 7 = 49$   
 $7 \times 8 = 56$   
 $7 \times 9 = 63$   
 $7 \times 10 = 70$ 
 $8 \times 0 = 0$   
 $8 \times 1 = 8$   
 $8 \times 2 = 16$   
 $8 \times 3 = 24$   
 $8 \times 4 = 32$   
 $8 \times 5 = 40$   
 $8 \times 6 = 48$   
 $8 \times 7 = 56$   
 $8 \times 8 = 64$   
 $8 \times 9 = 72$   
 $8 \times 10 = 80$ 
 $9 \times 0 = 0$   
 $9 \times 1 = 9$   
 $9 \times 2 = 18$   
 $9 \times 3 = 27$   
 $9 \times 4 = 36$   
 $9 \times 5 = 45$   
 $9 \times 6 = 54$   
 $9 \times 7 = 63$   
 $9 \times 8 = 72$   
 $9 \times 9 = 81$   
 $9 \times 10 = 90$ 
Vyjmenovaná  
slova

## B

být, bydlet, obyvateľ, být,  
příbytek, nábytek, dobytek,  
zbytek, obyčej, bystrý,  
bylina, kobyla, býk, babylka  
vlastní jména:  
Bydžov, Příbyslav, Bylany,  
Hrabyně, Zbyněk, Zbýšek

## L

slýšet, mlýn, blýskat se,  
polykat, vzlykat, plynout,  
plyvat, lysý, lýtko, lýko,  
lýže, pelyněk, plyš, slýnout,  
plytký, vlys  
vlastní jména: Volyně

## M

my, mýt, myslit, mýlit se,  
hmyz, myš, hlemýžď, mýtit,  
zamykat, smýkat, dmýchat,  
chmýří, nachomýtnout se,  
mýto, mykat, mys, sumýš  
vlastní jména: Nezamyslice,  
Přemysli, Litomyšl, Kamýk

## P

pýcha, pytel, pýsek, netopýr,  
slepýš, pyl, kopyto, klopýtat,  
třpytit se, zpytovat, pykat,  
pýr, pyří, pyřit se, pyj  
vlastní jména: Chropyně,  
Pyšely, Spytňov

## S

syn, syť, sýr, syrový, syrý,  
sychravý, usychat, sýkora,  
sýček, syseľ, syčet, sypat  
vlastní jména: Bosyně

## V

vy, vykat, vysoký, výt,  
výskat, zvykat, žvykat,  
vydra, výr, výžle, povyk,  
výheň, cavyky, vyza  
vlastní jména: Výškov, Výtoň  
slova s předponou vy- a vý-

## Z

brzy, jazyk, nazývat (se)  
vlastní jména: Ruzyně

Geometrické  
vzorce